

Số: 107/2017/QĐST- HNGĐ

Cẩm Xuyên, ngày 25 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122/2017/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 giữa:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1977**

Trú quán: Thôn Chu T, xã Cẩm D, huyện CX, tỉnh HT.

*** Bị đơn: Anh Đậu B, Sinh năm: 1976**

Trú quán: Thôn Chu T, xã Cẩm D, huyện CX, tỉnh HT.

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, khoản 1 điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc các đ-ơng sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận đ-ợc với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ-ơng sự đ-ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ-ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Đậu B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Về con cái: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Đậu B thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung: Cháu Đậu Thị Bảo C (Nữ), sinh ngày 02/10/2001 và cháu Đậu Thị Bảo D (Nữ), sinh ngày 02/07/2011. Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Đậu B thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi

con như sau: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu Đậu Thị Bảo C và Đậu Thị Bảo D. Anh Đậu B có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Đậu Thị Bảo D mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh B có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

* Về tài sản: Vợ chồng thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng có một số tài sản chung cụ thể:

- Về đất ở: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 967622, số vào sổ H1 4079, thì đất của vợ chồng Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Đậu B có diện tích 597,55 m² (trong đó đất ở 300m², đất vườn 297,55 m²) thuộc thửa đất số 283, tờ bản đồ số 4 do UBND huyện CX cấp ngày 04/4/2013, địa chỉ thửa đất thôn Chu T, xã Cẩm D, huyện CX, tỉnh HT. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông Đậu B và Bà Nguyễn Thị Kim A. Nhưng tại bản đồ địa chính chính quy và qua thực tế đo đạc năm 2012 thì thửa đất trên có số 234, tờ bản đồ 36, diện tích 679,5m², chênh lệch tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 81,95m². Diện tích đất tăng không có tranh chấp với các hộ liền kề. Vị trí thửa đất của chị Nguyễn Thị Kim A và anh đậu B: Phía Bắc giáp với đường trục thôn dài 31,13m; Phía Nam giáp Đất ông Đậu Hợi dài 22,85m; Phía Đông giáp đất ông Trần Dũng dài 13,15m; Phía Tây giáp Đường chung cư dài 34,23m (theo báo cáo số 41/BC – UBND ngày 19/12/2017 của UBND xã Cẩm D).

- Về nhà ở và công trình phụ cận: Có một ngôi nhà chính cấp 4, xây gạch lợp ngói và có công trình phụ cận liền kề và một gian nhà liền kề với ngôi nhà chính, 01 ngôi nhà ngang cấp 4 lợp ngói, 01 nhà bếp và công trình phụ liền kề.

Nay ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận phân chia theo biên bản thỏa thuận ngày 06 tháng 11 năm 2017. Để các bên thực hiện, Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Đậu B đề nghị Tòa án ghi nhận vào biên bản thỏa thuận và quyết định thuận tình ly hôn, Cụ thể như sau:

+ Chị Nguyễn Thị Kim A được quyền quản lý và sử dụng 01 mảnh đất có diện tích 311,7 m², thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 36 đất của chị Nguyễn Thị Kim A được quyền sử dụng nằm trong tổng thể đất của vợ chồng là 679,5m², vị trí thửa đất của chị Kim A được sử dụng như sau: phía Bắc giáp đường trục thôn dài 31,13 m, phía nam giáp đất của anh Đậu B dài 18,58 m, phía đông giáp với đất ông Trần Dũng dài 5,7m, phía tây giáp đất anh Đậu B dài 20,15 m, địa chỉ thửa đất tại Thôn Chu T, xã Cẩm D, huyện CX, tỉnh HT.

Ngoài ra Chị Nguyễn Thị Kim A còn được quyền sở hữu 01 ngôi nhà chính cấp 04 xây gạch lợp ngói và có công trình phụ cận liền kề và một gian nhà liền kề với ngôi nhà chính, nằm trên phần đất của chị Nguyễn Thị Kim A được quyền sử dụng.

+ Anh Đậu B được quyền quản lý và sử dụng 01 mảnh đất có diện tích 367,8 m², thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 36 đất của anh Đậu B được quyền sử dụng nằm trong tổng thể đất của vợ chồng là 679,5m², vị trí đất của anh Đậu B được sử dụng như sau: phía Bắc giáp đất chị Kim A, dài 20,15 m, phía nam

giáp đất của ông Đậu Hợi dài 22,85m, phía đông giáp đất ông Trần Dũng, dài 7,42m, phía tây giáp đường chung cư dài 34,23m, địa chỉ thửa đất tại Thôn Chu T, xã Cẩm D, huyện CX, tỉnh HT.

Ngoài ra Anh Đậu B còn được quyền sở hữu 01 ngôi nhà ngang cấp 4 lợp ngói, 01 nhà bếp và công trình phụ liền kề, nằm trên phần đất của anh Đậu B được hưởng.

* Về nợ: Vợ chồng thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Đậu B thỏa thuận chị Nguyễn Thị Kim A có nghĩa vụ nộp 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Anh đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện CX, Tỉnh HT theo biên lai số 005107 ngày 23/10/2017. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim A 150.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp.

Anh Đậu B phải nộp 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật chị Nguyễn Thị Kim A và anh Đậu B có trách nhiệm đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích thực tế đo đạc theo quy định của luật đất đai năm 2013.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HT
- VKSND huyện CX
- Chi cục THADS huyện CX
- UBND xã Cẩm D để xóa tên trong sổ đăng ký kết hôn số 31 ngày 15/02/2000
- Các đ-ơng sự
- L- u HS, án văn

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN
Thẩm phán

Trần Thị Minh T